

DANH SÁCH THÍ SINH
Năm học 2025-2026. Học kỳ 1

Môn thi: **Nhập môn mật mã học**

Hình thức thi: Trắc nghiệm

Thời gian làm bài: 60 (phút)

Tổng số thí sinh: 280

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
1	339	AT200401	Trần Trường	An	10	9	9,7	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
2	204	AT200301	Cao Thị Kiều	Anh	9,8	9	9,6	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
3	104	AT200404	Dương Trọng	Ánh	6,3	9	7,1	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
4	340	AT200103	Đào Duy Tuấn	Anh	8,3	9	8,5	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
5	304	AT200203	Đoàn Tuấn	Anh	9	9	9	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
6		AT190304	Hoàng Trọng Tài	Anh	-25	-25	-25	1				Cấm thi
7	100	AT200104	Hoàng Việt	Anh	9,5	10	9,7	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
8	272	AT200204	Lê Trần Phương	Anh	8,8	10	9,2	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
9	168	AT200302	Lê Việt	Anh	9,8	9	9,6	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
10	305	AT200402	Ngô Hoàng	Anh	8,8	10	9,2	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
11	101	AT170303	Nguyễn Đình Hoàng	Anh	6,5	6	6,4	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
12	102	AT140502	Nguyễn Hoàng	Anh	6,5	6	6,4	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
13	236	AT170402	Nguyễn Văn	Anh	8,5	7	8,1	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
14	103	AT200201	Nguyễn Văn Hải	Anh	8,5	8	8,4	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
15	237	AT200403	Phạm Thị Minh	Ánh	8,3	9	8,5	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
16	205	AT200202	Tăng Thế	Anh	8,8	9	8,9	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
17	306	AT200102	Trần Thị Lan	Anh	9,5	10	9,7	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
18	341	AT200105	Đỗ Việt	Bách	8,5	9	8,7	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
19	105	AT200206	Bùi Đình Nguyên	Bảo	8,8	9	8,9	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
20	307	AT200305	Dương Ngọc	Bảo	9,3	9	9,2	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
21	169	AT200306	Đặng Quốc	Bảo	9,5	8	9,1	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
22	308	AT160305	Nguyễn Ngọc	Bảo	9	9	9	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
23	106	AT200468	Phạm Gia	Bảo	7,5	8	7,7	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
24	206	AT180106	Nguyễn Phương	Bắc	8,8	7	8,3	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
25	136	AT200106	Nguyễn Duy	Bằng	8,5	10	9	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
26	342	AT200406	Hoàng Hiếu	Biết	10	10	10	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
27	170	AT200407	Nguyễn Văn	Cao	7,5	8	7,7	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
28	137	AT200107	Hoàng Thị Linh	Chi	9,8	9	9,6	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
29	171	AT200207	Ngô Đình	Chính	9	9	9	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
30	107	AT200108	Nguyễn Ngọc	Chính	9,8	10	9,9	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
31		AT200208	Bùi Thanh	Chương	-25	-25	-25	1				Cấm thi
32	343	AT180308	Cao Đăng	Chương	9,5	4	7,9	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
33	309	AT200408	Đỗ Mạnh	Cường	8,3	10	8,8	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
34	108	AT200307	Nguyễn Đức	Cường	9,8	9	9,6	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
35	207	AT200113	Hoàng Thị	Dịu	9,8	9	9,6	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
36	138	AT200212	Phan Thị	Dịu	8,5	10	9	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
37	273	AT200214	Nguyễn Đình Huy	Dũng	9,3	8	8,9	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
38	208	AT200116	Nguyễn Minh	Dũng	8,5	10	9	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
39	139	AT200115	Trần Quang	Dũng	8,5	9	8,7	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
40		AT200216	Trần Quang	Dũng	-100	-100	-100	1				Cấm thi; Nợ HP
41	310	AT200215	Vương Tiến	Dũng	8	8	8	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
42	140	AT200218	Dương Khánh	Duy	8	9	8,3	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
43	141	AT200217	Nguyễn Trung	Duy	8	9	8,3	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
44	172	AT200118	Phạm Anh	Duy	9,3	7	8,6	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
45	274	AT200316	Bùi Hoàng	Dương	9	10	9,3	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
46	275	AT200415	Hoàng Hải	Dương	7,8	9	8,2	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
47	276	AT180413	Mai Hoàng	Dương	7,5	7	7,4	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
48	311	AT200416	Nguyễn Lý	Dương	7,6	7,6	7,6	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
49	238	AT200315	Phạm Lâm	Dương	9,3	8	8,9	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
50	277	AT200117	Quách Tùng	Dương	9,8	9	9,6	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
51	209	AT200414	Sin Bình	Dương	8,8	8	8,6	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
52	142	AT200314	Võ Tùng	Dương	10	9	9,7	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
53	344	AT200109	Nguyễn Văn	Đáp	9,5	9	9,4	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
54	239	AT200309	Đỗ Tiến	Đạt	10	9	9,7	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
55	143	AT200411	Lại Duy	Đạt	9,3	9	9,2	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
56		AT200111	Lưu Hoàng	Đạt	-100	-100	-100	1				Cấm thi; Nợ HP
57	345	AT200210	Nguyễn Quang	Đạt	9	10	9,3	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
58	210	AT200209	Nguyễn Tiến	Đạt	9	9	9	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
59	109	AT200310	Nguyễn Tuấn	Đạt	9	9	9	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
60	144	AT200311	Phạm Tiến	Đạt	9,5	10	9,7	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
61	110	AT200110	Phạm Tuấn	Đạt	6,5	10	7,6	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
62	312	AT200410	Vũ Hữu	Đạt	9,8	5	8,4	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
63	145	AT200308	Hà Duy	Đăng	9,8	9	9,6	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
64	313	AT200409	Nguyễn Duy	Đăng	7	6	6,7	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
65		AT180110	Nguyễn Hoàng Hải	Đăng	-100	-100	-100	1				Cấm thi
66	346	AT200211	Vũ Duy	Điệp	10	10	10	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
67	240	AT200313	Đinh Trung	Đồng	9,8	9	9,6	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
68	146	AT200312	Hoàng Tam	Đồng	8,8	4	7,4	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
69	347	AT200213	Nguyễn Hùng	Đồng	8	9	8,3	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
70	173	AT200412	Bùi Minh	Đức	10	9	9,7	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
71	278	AT200114	Đinh Trí	Đức	9,5	9	9,4	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
72	279	AT200413	Hoàng Minh	Đức	10	4	8,2	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
73	241	AT160217	Lại Quang	Đức	7	4	6,1	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
74	314	AT170712	Nguyễn Bá Minh	Đức	8,8	7	8,3	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
75	348	AT180411	Phạm Minh	Đức	7,5	8	7,7	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
76	174	AT200317	Hoàng Thị	Hà	9,8	9	9,6	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
77	280	AT200417	Hà Minh	Hải	8,5	9	8,7	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
78	175	AT200318	Nguyễn Tiến	Hải	8,5	6	7,8	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
79	147	AT200418	Nguyễn Thị Minh	Hăng	8,8	9	8,9	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
80	349	AT160517	Trần Thị	Hăng	7	10	7,9	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
81	281	AT200119	Nguyễn Năng	Hậu	9,5	9	9,4	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
82	111	AT200120	Hoàng Thị	Hiên	10	9	9,7	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
83	242	AT200219	Lê Hồng	Hiệp	8,5	9	8,7	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
84		AT190320	Nguyễn Thị	Hiệp	-100	-100	-100	1				Cấm thi
85	211	AT200420	Bùi Minh	Hiếu	9,3	9	9,2	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
86	315	AT200220	Dương Ngọc	Hiếu	10	10	10	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
87	350	AT200121	Nguyễn Minh	Hiếu	6,5	4	5,8	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
88	176	AT200419	Nguyễn Minh	Hiếu	9,3	5	8	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
89	177	AT200320	Nguyễn Trung	Hiếu	9	9	9	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
90	351	AT200319	Phạm Trung	Hiếu	9,5	10	9,7	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
91	352	AT200221	Phạm Văn	Hiếu	10	10	10	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
92	148	AT200122	Lê Thị	Hoa	9,8	9	9,6	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
93	243	AT200222	Phạm Xuân	Hòa	9,8	8	9,3	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
94	282	AT141022	Đinh Văn	Hoan	7	7	7	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
95	283	AT200223	Bùi Việt	Hoàng	8,8	8	8,6	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
96	112	AT200421	Lành Huy	Hoàng	8,5	9	8,7	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
97		AT180619	Mai Huy Việt	Hoàng	-100	-100	-100	1				Cấm thi; Nợ HP
98	316	AT200123	Phan Đình	Hoàng	8	6	7,4	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
99	113	AT200321	Trần Việt	Hoàng	9,5	9	9,4	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
100	244	AT200322	Vũ Huy	Hoàng	9,8	9	9,6	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
101	353	AT200422	Phạm Xuân	Hồng	9	10	9,3	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
102	284	AT200423	Hồ Sỹ	Huân	10	9	9,7	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
103	245	AT200224	Bùi Khắc	Hùng	9	9	9	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
104	178	AT200324	Hoàng Đình Phi	Hùng	10	9	9,7	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
105	354	AT200225	Lê Mạnh	Hùng	8,5	9	8,7	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
106	149	AT200425	Lê Văn	Hùng	9,5	9	9,4	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
107	212	AT200325	Nguyễn Mạnh	Hùng	9,8	5	8,4	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
108	213	AT200323	Vũ Đức	Hùng	9,5	5	8,2	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
109	317	AT200326	Bùi Quang	Huy	9,3	8	8,9	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
110	150	AT200327	Đoàn Quang	Huy	10	8	9,4	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
111	214	AT200426	Hoàng Quang	Huy	8,3	6	7,6	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
112	318	AT200128	Lý Văn	Huy	9,8	9	9,6	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
113	114	AT200126	Nguyễn Quốc	Huy	9,3	9	9,2	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
114	179	AT200127	Phạm Văn	Huy	8	4	6,8	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
115	115	AT200227	Trần Nhật	Huy	8	9	8,3	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
116	215	AT200427	Trần Quang	Huy	7,4	7,4	7,4	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
117	180	AT200328	Nguyễn Thanh	Huyền	10	10	10	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
118	216	AT200226	Nguyễn Doãn	Hưng	10	9	9,7	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
119	285	AT170123	Nguyễn Quốc	Hưng	6,8	6,8	6,8	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
120	246	AT200124	Phùng Văn	Hưng	10	9	9,7	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
121	247	AT200125	Tổng Ngọc	Hưng	6,6	6,6	6,6	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
122	181	AT200229	Lê Tuấn	Khải	9,3	5	8	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
123	151	AT200129	Nguyễn Văn	Khải	9,8	9	9,6	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
124	116	AT200130	Vũ Trọng	Khang	9,3	5	8	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
125	248	AT200131	Nguyễn Công	Khánh	9,8	5	8,4	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
126	249	AT200429	Nguyễn Ngọc	Khánh	9	10	9,3	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
127	250	AT200430	Nguyễn Văn	Khánh	8,5	10	9	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
128	117	AT180225	Phan Nam	Khánh	6,2	6,2	6,2	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
129	319	AT200231	Triệu Duy	Khánh	9	10	9,3	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
130	286	AT200230	Trịnh Ngọc	Khánh	9	9	9	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
131	217	AT200330	Vũ Tuấn	Khiên	8,8	6	8	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
132	355	AT200331	Nguyễn Đình	Khoa	9,8	9	9,6	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
133	251	AT200431	Chu Việt	Kiên	8	9	8,3	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
134	252	AT200332	Dương Trung	Kiên	9	9	9	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
135	182	AT200432	Nguyễn Trung	Kiên	6,8	10	7,8	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
136	287	AT200132	Phạm Lê Trung	Kiên	7	6	6,7	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
137	183	AT200232	Phan Trung	Kiên	9	10	9,3	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
138	184	AT200233	Lê Như Tuấn	Kiệt	9	10	9,3	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
139	320	AT180427	Lê Minh	Kỳ	8	9	8,3	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
140	118	AT200333	Sùng Thanh	Lâm	8,3	5	7,3	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
141	185	AT200134	Trịnh Hoàng	Lân	9,5	9	9,4	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
142	321	AT200136	Bùi Thảo	Linh	8,3	10	8,8	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
143	322	AT200234	Đỗ Huy	Linh	8,8	10	9,2	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
144	152	AT200334	Lê Thị Mỹ	Linh	9,5	9	9,4	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
145	323	AT200335	Đỗ Quang	Long	9,5	10	9,7	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
146	253	AT200236	Nguyễn Hoàng	Long	9	10	9,3	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
147	218	AT200235	Lưu Quang	Lộc	9,5	9	9,4	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
148	288	AT200469	Nguyễn Thành	Luân	9	9	9	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
149	289	AT200336	Nông Quốc	Luân	9,5	10	9,7	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
150	186	AT200435	Nguyễn Hữu	Lương	8,8	10	9,2	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
151	153	AT200436	Mạc Quỳnh	Mai	8,5	10	9	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
152	254	AT200438	Hoàng Hùng	Mạnh	9,5	9	9,4	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
153	187	AT200337	Hoàng Thế	Mạnh	8,5	9	8,7	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
154	356	AT200137	Nguyễn Đức	Mạnh	9	4	7,5	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
155	154	AT200437	Phạm Quang	Mạnh	9,3	5	8	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
156	324	AT200238	Dương Nhật	Minh	7,5	9	8	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
157	119	AT200338	Lại Nhật	Minh	9	6	8,1	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
158	188	AT200439	Lê Văn	Minh	7,8	9	8,2	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
159	325	AT190534	Nguyễn Huy Hải	Minh	8,5	6	7,8	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
160	357	AT200339	Nguyễn Nhật	Minh	8	9	8,3	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
161	189	AT200340	Nông Hồng	Minh	9,3	4	7,7	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
162	326	AT200138	Phạm Công	Minh	7,5	10	8,3	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
163	190	AT200239	Đỗ Duy	Mười	9,5	10	9,7	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
164	191	AT200139	Nguyễn Phan Thế	Mỹ	8,8	9	8,9	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
165	219	AT200441	Hà Thế	Nam	7,3	8	7,5	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
166	327	AT190335	Nguyễn Huy	Nam	8	9	8,3	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
167	328	AT200140	Nguyễn Văn	Nam	9,3	7	8,6	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
168	120	AT200341	Phạm Hoài	Nam	9	9	9	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
169	255	AT200342	Trần Phương	Nam	9,3	5	8	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
170	155	AT200343	Nguyễn Duy	Nghĩa	8	9	8,3	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
171	156	AT200241	Trần Văn	Nghĩa	8,5	9	8,7	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
172	256	AT200242	Trần Tuấn	Ngọc	8,8	9	8,9	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
173	358	AT200142	Bùi Duy	Nguyễn	9,3	5	8	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
174	220	AT200141	Nguyễn Đức	Nguyễn	7,6	7,6	7,6	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
175	121	AT200344	Bùi Ngọc	Nhất	9,3	9	9,2	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
176	359	AT200243	Đàm Long	Nhất	8,5	9	8,7	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
177	122	AT200143	Nguyễn Anh	Nhất	9,3	5	8	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
178	123	AT200442	Trần Văn	Nhật	8	9	8,3	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
179	157	AT200443	Nguyễn Trường	Ninh	9,5	6	8,5	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
180	158	AT200444	Lê Hoàng	Phát	9,5	9	9,4	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
181	290	AT200445	Vũ Tấn	Phát	9,8	5	8,4	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
182	221	AT180138	Nguyễn Đức	Phong	5,5	4	5,1	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
183	291	AT200244	Nguyễn Gia	Phong	8	9	8,3	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
184	124	AT200144	Nguyễn Thanh	Phong	7,8	9	8,2	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
185	222	AT200145	Nguyễn Tuấn	Phong	10	5	8,5	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
186	257	AT200345	Phan Thế	Phong	9,8	9	9,6	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
187	125	AT200146	Hồ Đình	Phú	9,8	9	9,6	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
188	360	AT200245	Hồ Đức	Phú	9,3	5	8	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
189	329	AT200246	Nguyễn Việt	Phúc	9	10	9,3	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
190	192	AT200346	Bùi Văn	Phước	8	10	8,6	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
191	193	AT200447	Đào Thị Minh	Phương	9	9	9	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
192	258	AT200446	Đỗ Nguyên	Phương	9,8	9	9,6	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
193	159	AT200347	Phạm Thu	Phương	9	9	9	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
194	223	AT200248	Đặng Minh	Quang	10	10	10	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
195	224	AT200350	Nguyễn Văn	Quang	8,5	4	7,2	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
196	259	AT200449	Nguyễn Văn	Quang	8,5	10	9	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
197	225	AT200148	Trần Minh	Quang	9,8	9	9,6	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
198	260	AT200247	Dương Đình	Quân	9,5	8	9,1	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
199	194	AT200448	Ngô Huy	Quân	8,5	8	8,4	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
200	261	AT190442	Nguyễn Hồng	Quân	9,5	8	9,1	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
201	361	AT200348	Nguyễn Mạnh	Quân	9,3	5	8	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
202	292	AT200147	Triệu Quốc	Quân	7,5	9	8	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
203	226	AT180540	Đinh Thanh	Quý	9,5	9	9,4	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
204	195	AT200249	Phạm Văn	Quý	8	9	8,3	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
205	196	AT200250	Trần Văn	Quyền	9,5	9	9,4	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
206	262	AT200149	Phản Minh	Quyết	9	5	7,8	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
207	295	AT200351	Đỗ Quang	Sáng	7,5	9	8	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
208	293	AT200251	Ngô Văn	Sang	9	9	9	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
209	294	AT200151	Trần Tiến	Sang	8	10	8,6	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
210	263	AT200352	Đào Công	Son	6,5	6,5	6,5	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
211	264	AT200152	Lê Hoàng	Son	9,8	8	9,3	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
212	362	AT200153	Trần Trường	Son	9	9	9	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
213	363	AT200450	Trịnh Bá Trường	Son	8	5	7,1	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
214	364	AT200451	Nguyễn Thành	Tài	9,3	9	9,2	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
215	197	AT200452	Lê Thị Minh	Tâm	9,5	10	9,7	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
216	198	AT200154	Nguyễn Minh	Tân	10	5	8,5	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
217	160	AT200353	Vũ Duy	Tân	9,5	7	8,8	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
218	161	AT200453	Vũ Nhật	Tân	5,5	5,5	5,5	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
219	330	AT200354	Lê Xuân	Thái	9,5	5	8,2	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
220	365	AT200454	Phạm Phú	Thái	8,5	10	9	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
221	162	AT200252	Trương Quốc	Thái	10	10	10	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
222	163	AT200157	Đặng Công	Thành	9,3	4	7,7	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
223	227	AT200156	Lê Bá	Thanh	8,5	9	8,7	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
224	126	AT200254	Nguyễn Văn	Thành	9	9	9	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
225	199	AT180244	Nguyễn Xuân	Thành	6	6	6	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
226	265	AT200155	Trần Minh	Thanh	10	5	8,5	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
227	127	AT200255	Ngô Xuân	Thảo	8,5	10	9	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
228	128	AT200253	Nguyễn Nhật	Thăng	8,5	10	9	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
229	228	AT200355	Kim Đình	Thịnh	9,8	9	9,6	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
230	331	AT200357	Đặng Thị	Thùy	9	10	9,3	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
231	296	AT200455	Lê Khánh	Thụy	9,3	8	8,9	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
232	200	AT200356	Đỗ Hồng	Thức	9,8	10	9,9	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
233	266	AT200457	Đào Văn	Tiến	8	9	8,3	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
234	164	AT200456	Đinh Hồng	Tiến	9	5	7,8	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
235	366	AT200458	Đỗ Phan Trường	Tiến	8,5	8	8,4	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
236	165	AT200159	Lương Ngọc	Toàn	9,5	10	9,7	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
237	267	AT200257	Nguyễn Văn	Toàn	8	9	8,3	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
238	297	AT200158	Nguyễn Việt	Toàn	9,8	9	9,6	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
239	298	AT200459	Phan Quốc	Toàn	9	10	9,3	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
240	229	AT140149	Vũ Đức	Toàn	4	4	4	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
241	332	AT200358	Vũ Thế	Toàn	9,5	10	9,7	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
242	129	AT200160	Đỗ Mai Thu	Trang	8,8	9	8,9	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
243		AT180247	Vì Thanh	Trí	-100	-100	-100	1				Cấm thi
244	299	AT200258	Nguyễn Đức	Trọng	7,5	9	8	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
245	268	AT200360	Cao Trần Thành	Trung	9,8	9	9,6	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
246	300	AT200361	Đỗ Huy	Trung	9,8	5	8,4	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
247	367	AT200359	Đỗ Nguyễn Đức	Trung	10	9	9,7	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
248	130	AT200460	Nguyễn Đức	Trung	9,3	9	9,2	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
249	333	AT200461	Nguyễn Văn	Trung	8,8	10	9,2	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
250	131	AT200259	Nguyễn Văn	Trung	10	4	8,2	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
251	301	AT200260	Nguyễn Hoàng	Trường	9	9	9	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
252	132	AT200161	Nguyễn Ngô	Trường	8,3	9	8,5	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
253	269	AT200362	Trần Văn	Trường	9	10	9,3	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
254	166	AT200163	Nguyễn Anh	Tú	10	9	9,7	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
255	133	AT200162	Nguyễn Minh	Tú	8	8	8	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
256	201	AT200261	Tô Minh	Tú	9,5	9	9,4	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
257	202	AT200363	Bùi Quốc	Tuấn	9,8	5	8,4	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
258	302	AT200462	Lê Quốc	Tuấn	8	10	8,6	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
259	134	AT200463	Tô Văn	Tuấn	7,8	8	7,9	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
260	230	AT200262	Vũ Đức	Tuấn	10	5	8,5	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
261	270	AT200263	Ngô Anh	Tuệ	9,3	4	7,7	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
262	368	AT200164	Vũ Đức Thái	Tuệ	9,5	10	9,7	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
263	334	AT200165	Đỗ Đình	Tùng	8	5	7,1	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
264	303	AT200264	Ngân Bá Hoàng	Tùng	8,3	10	8,8	1	06/01/2026	8h30	201-TA1	
265	231	AT200364	Nguyễn Việt	Tùng	9,3	9	9,2	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
266	335	AT180150	Nông Thanh	Tùng	9	4	7,5	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
267	336	AT160656	Phạm Thanh	Tùng	8,3	6	7,6	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
268	337	AT200365	Đinh Thị	Tuyền	8,8	9	8,9	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	
269	135	AT200466	Đàm Tường	Văn	8,5	5	7,5	1	06/01/2026	7h30	102.1-TA1	
270	167	AT200265	Đỗ Anh	Văn	7,6	7,6	7,6	1	06/01/2026	7h30	201-TA1	
271		AT200166	Trương Quang	Văn	-100	-100	-100	1				Cấm thi
272	232	AT200465	Lê Vi Hồng	Vân	9,5	9	9,4	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
273	271	AT200167	Nguyễn Đức	Việt	9,5	9	9,4	1	06/01/2026	8h30	102.1-TA1	
274	369	AT200266	Vũ Quốc	Việt	7,8	9	8,2	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
275	233	AT200467	Mai Đức	Vinh	7,8	7,8	7,8	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
276	234	AT200168	Hoàng Tuấn	Vũ	5	7	5,6	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
277	203	AT200366	Nguyễn Minh	Vũ	9,8	5	8,4	1	06/01/2026	7h30	202.1-TA1	
278	235	AT190360	Phạm Trần Khánh	Vũ	9,3	8	8,9	1	06/01/2026	7h30	203-TA1	
279	370	AT200267	Hoàng Thị Hải	Yến	10	10	10	1	06/01/2026	8h30	203-TA1	
280	338	AT200367	Nguyễn Thị	Yến	8,3	9	8,5	1	06/01/2026	8h30	202.2-TA1	

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2026

PHÒNG KT&ĐBCLĐT